TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 6 – 2021
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật

2. Ông Nguyễn Quốc Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị T, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp Y, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thái B, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp Y, xã VĐ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thái B tự nguyện kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn năm 2005 theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh B không quan tâm lo lắng gì cho vợ con và gia đình, thường xuyên la mắng chị, dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Chị cũng đã tạo điều kiện để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, chị và anh B không còn sống chung với nhau được nữa. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thái B.

Về con chung: Chị và anh Trần Thái B có 03 con chung là Trần Thị Thúy A (giới tính: nữ), sinh năm 1992; Trần Văn K (giới tính: nam), sinh năm 1994; Trần Văn D (giới tính: nam), sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thái B đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh B.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Trần Thái B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Chị Đặng Thị T và anh Trần Thái B kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn anh Trần Thái B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Đặng Thị T và anh Trần Thái B tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh B thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị T và anh B không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T; cho ly hôn giữa chị T và anh B.

[4]. *Về con chung:* Con chung đã trưởng thành, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị T xác định có tài sản chung nhưng chị tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. *Về nợ chung:* Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Trần Thái B.

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, chị Đặng Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị T xác định có tài sản chung nhưng chị tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Đặng Thị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006728 lập ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã VĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thừa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Thật **Nguyễn Quốc Khương** **Ngô Thừa**